

Số: /GPMT-UBND

Điện Biên, ngày tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 199/TTr-
STNMT ngày 29 tháng 6 năm 2023 (kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy phép môi
trường của Sở Y tế tỉnh Điện Biên).*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Sở Y tế tỉnh Điện Biên, địa chỉ tại tổ dân phố 14, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 14, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1.3. Quyết định thành lập và chủ trương đầu tư: Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh về việc thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Xây nhà phục vụ các khoa chuyên môn và trang thiết bị của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên; Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đầu tư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Điện Biên.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám chữa bệnh.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi, quy mô của cơ sở: Công trình dân dụng cấp III, tổng diện tích 5.782 m², bao gồm các hạng mục:

+ Hạng mục chính: Nhà phục vụ các khoa chuyên môn (7 tầng); Khoa chuẩn đoán hình ảnh, nhà làm việc và khám chữa bệnh (4 tầng).

+ Hạng mục phụ trợ: Gara xe máy; nhà bảo vệ; hệ thống xử lý nước thải; bể nước cứu hỏa; nhà đặt máy phát điện dự phòng; sân đường nội bộ; diện tích cây xanh.

- Công suất: Khám bệnh chữa bệnh, xét nghiệm cho khoảng 210 người/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Y tế tỉnh Điện Biên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng và đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, khí thải.

2.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 7 năm 2023 đến ngày tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Điện Biên Phủ và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế;
- UBND thành phố Điện Biên Phủ;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (02 bản);
- UBND phường Mường Thanh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị;
- Lưu VT, KTN_(LNH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đức Toàn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải y tế từ các khoa phòng trong Trung tâm.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân và phòng xét nghiệm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103⁰, múi chiều 3⁰): X(m) = 2365362; Y(m) = 502212.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30 m³/ngày,đêm; tương đương 1,25 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Xả thải bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/BTNM T, cột B với K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	mg/L	6,5-8,5	01 lần/năm	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅	mg/L	60		
3	COD	mg/L	120		
4	TSS	mg/L	120		
5	Sunfua	mg/L	4,8		
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	12		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	60		

8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	12		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	24		
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2		
12	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		
13	Salmonella	VK/100ml	KPH		
14	Shigella	VK/100ml	KPH		
15	Vibrio cholerae	VK/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống riêng vào bể phốt 3 ngăn xử lý sơ bộ, được đấu nối thu gom bằng đường ống HDPE D110 về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sinh hoạt từ rửa tay, nước thoát sàn được thu gom trực tiếp vào hệ thống thu gom nước thải theo đường ống HDPE D110 về xử lý tại hệ thống xử lý tập trung.

- Nước thải y tế thu gom bằng đường ống riêng HDPE D80 về xử lý sơ bộ tại hệ thống xử lý nước thải y tế, công suất 10m³/ngày, chảy theo ống HDPE D110 về xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m³/ngày.

- Nước thải sau khi được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy theo đường ống HDPE D200 vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Bể tự hoại 03 ngăn: Số lượng 04 bể với tổng dung tích là 37,25 m³ (gồm: 01 bể thể tích 5,3m³ và 03 bể thể tích 10,65 m³/bể.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải y tế

- Tóm tắt quy trình xử lý hệ thống xử lý sơ bộ công suất 10m³/ngày: Nước thải → Bể điều hòa → Bể trung gian → Bể phản ứng + lắng → Bể lọc → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m³/ngày.

- Tóm tắt quy trình hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30m³/ngày: Nước thải sinh hoạt + nước thải y tế sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Ngăn tiếp nhận, tách dầu → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí anoxic → Ngăn sinh học hiếu khí oxic → Ngăn lắng → Ngăn MBR → Bồn chứa nước rửa màng → Hồ ga đầu ra → Hệ thống thoát nước chung của thành phố tại phường

Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Axit H_2SO_4 , NaOH, muối Fe^{2+} ; H_2O_2 ; PAC; hóa chất khử trùng; men vi sinh.

- Nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước chung tại phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, dự kiến từ tháng 01/2024 đến tháng 03/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $30m^3/ngày$, đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu ra của hệ thống xử lý tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: pH, BOD_5 , COD, TSS, sunfua, amoni, nitrat, phosphat, dầu mỡ động thực vật, tổng hoạt độ phóng xạ α , tổng hoạt độ phóng xạ β , Tổng Coliform, Salmolnella, Shigella, Vibrio Choletae (Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, K =1,2).

2.3. Tần suất quan trắc:

Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải: Sau 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm, tần suất quan trắc 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp, mỗi một ngày lấy 01 mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý tập trung.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
 ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Phòng đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 103^0 , múi chiều 3^0): Phòng đặt máy phát điện dự phòng: X(m)= 2366037; Y(m)= 502839.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

STT	Thông số	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	70 dBA	
2	Độ rung		75dB

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Khối lượng, chủng loại các loại CTNH phát sinh thường xuyên, như sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
I	Tổng lượng chất thải lây nhiễm		3.550	
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Kim tiêm, bơm liên kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh.	Rắn	550	13 01 01
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Bông, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh).	Rắn/lỏng	2.200	
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm tương đương an toàn sinh học cấp II trở lên; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, khu vực điều trị cách ly, khu vực lấy mẫu xét nghiệm người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B.	Rắn/lỏng	300	

4	Chất thải giải phẫu: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ, xác động vật thí nghiệm.	Rắn	500	
II	Tổng lượng chất thải không lây nhiễm		100	
1	Hóa chất thải bỏ có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất (hóa chất dùng trong xét nghiệm, dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào...)	Rắn/lỏng	100	13 01 02
III	Chất thải nguy hại khác		250	
1	Pin/ắc quy chì thải	Rắn	50	16 01 12
2	Bao bì dính nhiễm thành phần nguy hại (bao bì đựng hóa chất,...)	Rắn	100	18 01 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	100	16 01 06
Tổng			3.900	

1.2. Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: Khối lượng phát sinh khoảng 250 kg/ngày.

1.3. Chất thải thông thường sử dụng để tái chế: Khối lượng phát sinh khoảng 03 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải y tế nguy hại

- Chất thải nguy hại lây nhiễm: Túi, hộp màu vàng, thùng chứa màu vàng có nắp đậy, dung tích 120 lít.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Thùng chứa màu đen có nắp đậy, dung tích có 240 lít.

- Kho lưu chứa chất thải: Kho chứa chất thải lây nhiễm diện tích 24 m², kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm diện tích 20 m²; được xây dựng kiên cố; nền kho, tường bên trong kho lát gạch granite chống thấm, cao độ nền kho cao hơn cao độ nền sân 30 cm, đảm bảo không bị nước mưa xâm nhập.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: Bố trí các thùng chứa màu trắng có nắp đậy, dung tích 240 l; phân loại và tạm chứa tại khu vực kho thuốc của trung tâm và chuyển giao cho đơn vị có chức năng tái chế.

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: Bố trí các thùng chứa chất thải màu xanh có nắp đậy, dung tích 120 l; tập kết về cổng chính của trung tâm để chuyển giao cho đơn vị thu gom rác thải của thành phố.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch, sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND
ngày tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.